TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày: 13/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà K'Nga
+ Ông Cil Ha NôEn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường thôn T xã Đ, huyện Đ. Tòa án nhân dân huyện Đam Rông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2025/TLST - HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Thị T; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: (không). Sinh ngày: 24 tháng 01 năm 1985 tại Nam Định. Nơi ĐKHKTT: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: (không). Họ tên cha: Lưu Sỹ V, sinh năm 1947. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1949. Anh em ruột: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất là bị cáo. Họ tên chồng: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985.

Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Ngọc Đ; Sinh năm: 1986
Địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1991
Địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.
- Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Thị T và ông Phạm Ngọc Đ, trú tại thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có mối quan hệ quen biết. Ông Đ sử dụng số điện thoại 0942.454.757 và ứng dụng Zalo để liên hệ qua số điện thoại 0987.961.396 và ứng dụng Zalo của T để vay tiền.

Ngày 07/5/2021, ông Đ vay của bị cáo T 120.000.000 đồng. Khi vay, bị cáo viết vào tờ giấy và cho ông Đ ký xác nhận. Cả hai thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hàng tháng Đ phải trả cho T 10.800.000 đồng tiền lãi phát sinh. Ông Đ đã trả lãi từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2021. Việc thanh toán tiền lãi được ông Đ chuyển khoản từ số tài khoản 5493215021258, Ngân hàng N1, chi nhánh huyện Đ, đứng tên ông Đ qua số tài khoản 12002127, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á mang tên Nguyễn Văn T1 (chồng T) và số tài khoản 5493367896789, Ngân hàng N1, chi nhánh huyện Đ, số tài khoản 399799899, ngân hàng Q mang tên Lưu Thị T. Trong 07 tháng, T đã nhận 75.600.000 đồng tiền lãi, tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm, vượt 89,5%. Trong tổng số 75.600.000 đồng tiền lãi T đã nhận, tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 13.808.221 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 61.791.779 đồng.

Ngoài ra, ngày 28/12/2021, ông Đ vay thêm của bị cáo số tiền 122.700.000 đồng; Ngày 11/5/2022, Đ vay tiếp của bị cáo số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 30/6/2022, Đ tiếp tục vay số tiền 150.000.000 đồng; Ngày 11/8/2022, Đ vay thêm 100.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11/2023, cần đáo hạn ngân hàng nên ông Đ vay bị cáo 2.900.000.000 đồng. Ngày 19/4/2022, ông Đ đứng ra vay bị cáo 700.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đức T2, trú tại thôn A, xã R, huyện Đ và sau đó vay thêm 300.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, trả lãi, trả gốc đều do ông Đ trực tiếp giao dịch với bị cáo, ông T2 trả cho ông Đ. Đối với các khoản vay từ ngày 28/12/2021 trở về sau không viết giấy, việc vay và trả diễn ra nhiều lần, các bên thực hiện việc đưa, nhận tiền có lúc bằng hình thức chuyển khoản, có lúc đưa tiền mặt nên không phân định được bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi. Khi chuyển khoản, ông Đ không ghi nhận là lãi của khoản nào nên không có cơ sở để xác định số tiền lãi bị cáo đã nhận và bị cáo không thừa nhận có nhận số tiền lãi nào khác vì vậy không có căn cứ xem xét xử lý.

Quá trình điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, viền màu vàng, màn hình cảm ứng; 01 tờ giấy A4, đề chữ "HỢP ĐỒNG THOẢ THUẬN" đề tên "Phạm Ngọc Đ", "Nguyễn Thị Thùy L", "Nguyễn Văn T1", mặt sau có chữ ký ghi rõ họ tên của những người có tên trên; 01 tờ giấy A4 đề chữ "GIẤY VAY TIỀN" đề ngày 21/11/2023 đề tên người vay "Phạm Ngọc Đ", "Nguyễn Thị Thùy L"; 01 tờ giấy A4 đề chữ "ngày 07/05/2021 A. Đ, chị L mượn 120.000.000₫ (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn); hẹn một tháng trả đầy đủ"; 02 tờ giấy A4 là ảnh chụp Căn cước công dân đề tên Phạm Ngọc Đ và Nguyễn Thị Thùy L; 01 tờ giấy kẻ ô ly đề ngày "7/05/2021" mặt trước bắt đầu

bằng dòng chữ "7/05/2021 Em cho Đ mượn 120tr", dòng cuối cùng của mặt sau ghi dòng chữ "vì họ nhân LS, ngày tháng nói ra đúng"; 01 tờ giấy kẻ ô ly mặt trước bắt đầu bằng dòng chữ "07/05/2021 Đ mượn 120tr", mặt sau kết thúc bằng dòng chữ "Trả cho khoản vay T8/2022". Kiểm tra không phát hiện các dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động cho Lưu Thị T. Đối với số tiền 120.000.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội, hiện bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Tại cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 13/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông truy tố bị cáo Lưu Thị Thủy về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Áp dụng Khoản 1 Điều 201; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lưu Thị T từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu của bị cáo Lưu Thị T sung công quỹ nhà nước số tiền gốc 120.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng để phạm tội và số tiền lãi hợp pháp là 13.808.220 đồng đã thu của người vay tiền Phạm Ngọc Đ. Về xử lý vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người liên quan Phạm Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Đức T2 vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ vụ án thể hiện bà L, ông Đ, ông T2 không có yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã được tiến hành đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: bị cáo là người đã trưởng thành và biết rõ việc thông qua giao dịch dân sự để cho vay với lãi suất lớn hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Cụ thể vào ngày 07/5/2021, bị cáo Lưu Thị T đã cho ông Phạm Ngọc Đ vay số tiền 120.000.000 đồng, khi vay các bên có viết giấy tờ và ông Đ xác nhận, với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương ứng 109,5%/năm vượt quá 05 lần mức lãi suất được quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 61.971.780 đồng.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lưu Thị T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự",* tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra còn xác định ngày 28/12/2021, ông Đ vay thêm của T số tiền 122.700.000 đồng; Ngày 11/5/2022, Đ vay tiếp của T số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 30/6/2022, Đ tiếp tục vay số tiền 150.000.000 đồng; Ngày 11/8/2022, Đ vay thêm 100.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11/2023, cần đáo hạn ngân hàng nên ông Đ vay T 2.900.000.000 đồng. Ngày 19/4/2022, ông Đ đứng ra vay T 700.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã R, huyện Đ và sau đó vay thêm 300.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, trả lãi, trả gốc đều do ông Đ trực tiếp giao dịch với T, ông T2 trả cho ông Đ. Đối với các khoản vay từ ngày 28/12/2021 trở về sau không viết giấy, việc vay và trả diễn ra nhiều lần, các bên thực hiện việc đưa, nhận tiền có lúc bằng hình thức chuyển khoản, có lúc đưa tiền mặt nên không phân định được bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi. Khi chuyển khoản, ông Đ không ghi nhận là lãi của khoản nào nên không có cơ sở để xác định số tiền lãi T đã nhận. Vì vậy, không có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn T1 là chồng bị cáo Lưu Thị T, chủ số tài khoản 12002127, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á. Tuy nhiên, số tài khoản này do bị cáo T sử dụng. Việc bị cáo cho ông Đ vay tiền, nhận lãi ông T1 không biết nên không có căn cứ để xử lý ông T1 với vai trò đồng phạm.

[3] Về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo đã "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt:

Xét thấy, hiện nay hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tiền mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên cần thiết phải xử phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Xét bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, không phải hoạt động cho vay dưới hình thức băng, ổ nhóm nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc bị cáo bỏ ra để cho vay 120.000.000 đồng mà ông Đ đã trả và tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của người vay: đây là số tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá quy định mà bị cáo đã thu của người vay 61.971.780 đồng thì bị cáo đã trả lại cho người vay tiền, ông Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về xử lý vật chứng: Lưu vào hồ sơ vụ án toàn bộ vật chứng đã thu giữ (đã lưu vào hồ sơ vụ án).

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố**: bị cáo Lưu Thị T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Áp dụng Khoản 1 Điều 201; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị T 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

2. **Về biện pháp tư pháp**: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự

Buộc bị cáo Lưu Thị T phải nộp lại 120.000.000[đ] (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc của người vay tiền đã trả cho bị cáo và 13.808.220 đồng là số tiền lãi hợp pháp đã thu của người vay ông Phạm Ngọc Đ.

Tổng số tiền phải bị cáo phải nộp là 133.808.220 đồng để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 120.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002023 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Buộc bị cáo Lưu Thị T tiếp tục nộp số tiền 13.808.220 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000[đ] (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H.Đam Rông;
- CQ CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PC10- CA tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; Người có QL,NV liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thúy Phượng